

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST

Ngày: 25/4/2022

*Về việc tranh chấp hợp đồng
tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Lê Phú Tâm;

2. Bà Vương Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Luân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 26 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P; địa chỉ: Tầng 1, tầng 10 và tầng 11, tòa nhà Ha Noi Tungshing Square, số 02 đường N, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ phòng giao dịch: Một phần diện tích tầng trệt, Tòa nhà 20-22 đường Ph, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Chị Đỗ Thị Kim Kh, sinh năm 1992; chức vụ: Chuyên viên tín dụng; địa chỉ: 238/4 Quốc lộ 50, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/02/2022). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên T; trụ sở: Thửa đất số 59, tờ bản đồ số E4, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1974; chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc là đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim Kh có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 15 tháng 12 năm 2021, lời khai trong quá trình tố tụng chị Khánh trình bày:

Ngày 25/10/2018, Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng P) và Công ty TNHH Một thành viên T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số NTI/000230/18, theo đó Ngân hàng P cho Công ty T vay với hạn mức là 220.000.000 đồng. Mục đích vay là để Công ty T thanh toán mua xe tải VAN, màu trắng, nhãn hiệu DONGBEN, số loại DBX30 – V5M, biển số đăng ký 61D – 007.95 thuộc quyền sở hữu của Công ty T. Thời hạn vay 48 tháng, nợ gốc và lãi được trả vào ngày 10 hàng tháng, lãi được tính theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty T đã thế chấp cho Ngân hàng P tài sản thuộc sở hữu của Công ty T là một xe tải VAN, màu trắng, nhãn hiệu DONGBEN, số loại DBX30, biển số đăng ký 61D -007.95 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô NTI/000230/18 – HĐTC ngày 31/10/2018 và các văn bản, phụ lục kèm theo (Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 01/11/2018; phụ lục thông tin về tài sản thế chấp là phương tiện giao thông số 102980/TT2-TB ngày 01/11/2018; văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 12/5/2020; phụ lục thông tin về tài sản thế chấp là phương tiện giao thông 48957/TT2-TB ngày 12/5/2020).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thanh toán được tổng số tiền 89.448.116 đồng, trong đó 71.854.000 đồng tiền gốc, 17.594.116 đồng tiền lãi. Từ tháng 08/2019 đến nay Công ty T không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào.

Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền còn nợ 190.307.832 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 148.146.000 đồng, nợ lãi trong hạn 35.862.933 đồng, nợ lãi quá hạn 6.298.899 đồng.

Công ty T còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 26/4/2022 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng P, đề nghị Tòa án xử lý các tài sản bảo đảm là chiếc xe tải VAN, màu trắng, nhãn hiệu DONGBEN, số loại DBX30 – V5M, biển số đăng ký 61D-007.95 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô NTI/000230/18 – HĐTC ngày 31/10/2018.

Về chi phí đăng thông báo tại Báo Công lý và Đài tiếng nói Việt Nam cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh Ngân hàng P tự nguyện chịu.

Đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T (sau đây gọi tắt là Công ty T):

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu Công ty T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của Ngân hàng P nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty T không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/12/2020 nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty T vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã có lời khai và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn Công ty T đã được Tòa án tổng đạt và thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Qua kiểm sát hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), thì việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng P và Công ty T là đúng pháp luật. Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu trả nợ là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Trường hợp Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe tải VAN, màu trắng, nhãn hiệu DONGBEN, số loại DBX30 – V5M, biển số đăng ký 61D-007.95 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô NTI/000230/18 – HĐTC ngày 31/10/2018 để bảo đảm cho cho khoản vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã có lời khai và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn Công

ty T đã được Tòa án tổng đạt và thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét hợp đồng tín dụng số NTI/000230/18 ngày 25/10/2018 được giao kết giữa Ngân hàng P và Công ty T đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T thanh toán được tổng số tiền 89.448.116 đồng, trong đó 71.854.000 đồng tiền gốc, 17.594.116 đồng tiền lãi. Từ tháng 03/2020 đến nay Công ty T không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào, như vậy Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Quá trình tố tụng Công ty T không đến tòa làm việc cũng không gửi cho Tòa án ý kiến của mình nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Vì vậy, Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu Công ty T phải trả số tiền thuê còn nợ 190.307.832 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 148.146.000 đồng; nợ lãi trong hạn 35.862.933 đồng; nợ lãi quá hạn 6.298.899 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về nợ lãi: Xét thấy, tiền lãi cho thuê tài sản theo thỏa thuận của các đương sự theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ, Quy chế cho vay và quyết định số 546/2002/QĐNHNN, ngày 30/5/2002, của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng thương mại nên hợp đồng tín dụng số NTI/000230/18 ngày 25/10/2018 là hợp pháp. Theo đó bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 26/4/2022 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số NTI/000230/18 ngày 25/10/2018 mà các bên đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng P, Ngân hàng P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là chiếc xe tải VAN, màu trắng, nhãn hiệu DONGBEN, số loại DBX30, biển số đăng ký 61D-007.95 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số NTI/000230/18 – HĐTC ngày 31/10/2018 và các văn bản, phụ lục kèm theo (Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 01/11/2018; phụ lục thông tin về tài sản thế chấp là phương tiện giao thông số 102980/TT2-TB ngày 01/11/2018; văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 12/5/2020; phụ lục thông tin về tài sản thế chấp là phương tiện giao thông 48957/TT2-TB ngày 12/5/2020).

[5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án.

[6] Về chi phí đăng thông báo: Ngân hàng P tự nguyện chịu số tiền 2.550.000 (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng được khấu trừ hết vào số tiền Ngân hàng P đã thanh toán.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Tphải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 317, 320 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 10, 56 và 68 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P số tiền còn nợ 190.307.832 (một trăm chín mươi triệu ba trăm lẻ bảy nghìn tám trăm ba mươi hai) đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số NTI/000230/18 ngày 25/10/2018.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 26/4/2022 cho đến khi Công ty TNHH Một thành viên T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số NTI/000230/18 ngày 25/10/2018.

2. Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên T không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là chiếc xe tải VAN, màu trắng, nhãn hiệu DONGBEN, số loại DBX30 – V5M, biển số đăng ký 61D-007.95 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số NTI/000230/18 – HĐTC ngày 31/10/2018 và các văn bản, phụ lục kèm theo (Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 01/11/2018; phụ lục thông tin về tài sản thế chấp là phương tiện giao thông số 102980/TT2-TB ngày 01/11/2018; văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 12/5/2020; phụ lục thông tin về tài sản thế chấp là phương tiện giao thông 48957/TT2-TB ngày 12/5/2020).

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Một thành viên T phải chịu 9.515.392 (chín triệu năm trăm mười lăm nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P 4.521.928 (bốn triệu năm trăm hai mươi một nghìn chín trăm hai mươi tám)

đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003450 ngày 25/01/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thắm